

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2022/DS-PT

Ngày : 27- 7- 2022

V/v tranh chấp thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Các thẩm phán:

Ông Phạm Trường Thọ

Ông Lâm Triệu Hữu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vệ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Thị Trúc Lâm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:153/2021/TLPT-DS ngày 29 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp thừa kế .

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2021/DS-ST ngày 14 tháng 06 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Mang T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 164/2022/QĐPT-DS ngày 07 tháng 07 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Anh Diệp Kiến Tr, sinh 1977, địa chỉ: số 94K8, Quốc lộ 57, ấp Thanh H, xã Thanh Đ, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người đại hợp pháp của anh Diệp Kiến Tr là anh Trần Hoàng Th, địa chỉ: Số 31A, đường Phạm Thái B, phường 4, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh Long, theo văn bản ủy quyền ngày 19/01/2022 (có mặt).

1.2. Chị Trần Mỹ Y, sinh 1982, địa chỉ: Ấp Tân A, xã Lục Sỹ Th, huyện Trà Ô, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Công T, sinh năm 1955, địa chỉ: 143C, ấp Bình T, xã Hòa T, huyện Mang T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Công T là anh Lê Phi L, cùng địa chỉ ông T, theo văn bản ngày 28/02/2022 (có mặt).

3. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Lê Mộng N, sinh 1985, địa chỉ: số 86/1, ấp An Lương A, xã Long A, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

3.2. Chị Lê Cẩm H, sinh 1986, địa chỉ: số 2214, ấp Bình T, xã Hòa T, huyện Mang T, tỉnh Vĩnh Long.

3.3. Anh Lê Phi L, sinh 1988, cùng địa chỉ bị đơn ông Lê Công T

4. Người kháng cáo: anh Diệp Kiến Tr (nguyên đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 5 năm 2016 của nguyên đơn Diệp Kiến Tr, Trần Thị Mỹ Y và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của anh Tr và chị Y trình bày:

Bà Trần X chung sống với ông Diệp Minh Kh sinh được 01 người con là anh Diệp Kiến Tr, đến năm 1978 ông Kh bỏ đi đâu không rõ rồi mất tích đến nay, sau đó bà Trần X sinh ra chị Trần Mỹ Y nhưng không xác định được cha của chị Y là ai. Đến năm 1980 bà Trần X chung sống với ông Lê Công T, không có đăng ký kết hôn, sinh được 03 người con là chị Lê Mộng N, chị Lê Cẩm H và anh Lê Phi L. Bà X chết năm 2009, bà không có con nuôi.

Vào ngày 25/5/2005, trong lúc còn sống bà Trần X có lập di chúc để lại cho anh Tr và chị Y thừa hưởng di sản của bà là quyền sử dụng một phần đất thuộc các thửa 743A, 743B (loại đất thổ quả) và 744 (loại đất ruộng) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng bà được cấp ngày 18/10/1993, cụ thể: anh Tr và chị Y thừa hưởng phần đất phía bên trái căn nhà số 10, ấp Bình T, xã Hòa T, huyện Mang T, tỉnh Vĩnh Long, kéo dài từ mặt tiền ra hết thửa đất, trong đó phần của anh Trọng giáp với bên trái căn nhà số 10 diện tích khoảng 800m², phần chị Y giáp với anh Tr bên kia giáp Ngân hàng nông nghiệp diện tích khoảng 800m². Di chúc được công chứng ngày 17/8/2005.

Nguồn gốc đất do cha mẹ của bà X là cụ Trần N và cụ Trương H (đã chết) tặng cho bà X từ trước khi bà X lập gia đình, bà X đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/10/1993. Sau khi bà X chết, ông Lê Công T không đồng ý giao đất cho anh Tr và chị Y đúng theo di chúc.

Do đó, anh Tr và chị Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T thực hiện việc giao đất cho anh, chị đúng theo nội dung di chúc tức anh Tr và chị Y mỗi người được hưởng 800m². Qua khảo sát, đo đạc tại cấp sơ thẩm, căn cứ theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 18/11/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mang T thì anh Tr yêu cầu được nhận phần đất thửa 81-2 diện tích 80,9m², thửa 81-3 diện tích 386,6m², diện tích đất còn lại đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Cây trồng trên đất của ai thì người đó được hưởng không đặt ra bồi thường tiền giá trị cây trồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, giữa chị Y với ông T đã thỏa thuận được với nhau về việc phân chia đất cho chị Y, nên vào ngày 09/8/2016 chị Y có đơn rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

* Trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Phi L trình bày: Về mối quan hệ nhân thân như nguyên đơn trình bày là đúng. Nguồn gốc đất của cha mẹ bà Xiêm để lại cho cá nhân bà X là đúng. Ông T, anh L, chị H và chị N không biết việc bà X lập di chúc chia đất cho các con, đến khi anh Trọng công bố tờ di chúc thì ông T vẫn đồng ý cho đất anh Tr và chị Y. Năm 2014 ông T đã chia cho chị Y một phần ngang 4 mét, chiều dài hết thửa đất không rõ bao nhiêu mét, hiện nay chị Y đã xây dựng nhà trên phần đất được cho, ông T cũng đồng ý cho anh Tr một phần đất như chị Y ngang 4m, chiều dài hết thửa đất, nhưng anh Tr không đồng ý nhận vì cho rằng không đúng vị trí. Anh L không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của anh Tr, anh không có yêu cầu độc lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết phần của anh. Cây trồng có trên đất của ai thì người đó hưởng không yêu cầu Tòa án giải quyết việc bồi thường giá trị cây trồng. Chị Lê Cẩm H và chị Lê Mộng N thống nhất lời trình bày của anh L, chị H và chị Ng không có yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế cho chị.

* Bị đơn Lê Công T không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không tham gia dự phiên tòa.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2021/DS-ST ngày 14 tháng 06 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Mang T tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn anh Diệp Kiến Tr:

1. Công nhận Di chúc ngày 25 tháng 5 năm 2005 do bà Trần X lập tại Phòng Công chứng số 1 - tỉnh Vĩnh Long là hợp pháp.

Chia cho nguyên đơn anh Diệp Kiến Tr thửa 81-2, tờ bản đồ số 23 (tư liệu CTĐ thuộc tách thửa 662, tờ bản đồ số 4) diện tích 80,9m², loại đất trồng cây lâu năm, gồm các mốc 4, 5, 6, 7, 8, 4; thửa 81-3, tờ bản đồ số 23 (tư liệu CTĐ thuộc

tách thửa 193, tờ bản đồ số 4) diện tích 386,6m², loại đất chuyên trồng lúa nước, gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 1, tổng cộng diện tích được chia là 467,5m², cùng toàn bộ cây trồng có trên đất. Hình thể, vị trí, giáp giới phần đất được chia thể hiện theo Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường lập ngày 18 tháng 11 năm 2019 kèm theo.

Bị đơn ông Lê Công T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Mộng Ng, chị Lê Cẩm H, anh Lê Phi L có trách nhiệm giao cho nguyên đơn anh Diệp Kiến Tr phần đất và cây trồng được chia nêu trên.

Anh Tr có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Mỹ Y, về việc yêu cầu bị đơn ông Lê Công T chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất diện tích khoảng 800m² theo Di chúc ngày 25 tháng 5 năm 2005 do bà Trần X lập tại Phòng Công chứng số 1 - tỉnh Vĩnh Long.

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản buộc anh Trọng chịu 5.000.000đ.

4. Án phí dân sự sơ thẩm buộc anh Tr chịu 3.256.700đ, hoàn trả chị Yến 1.200.000đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 28/6/2021 nguyên đơn anh Diệp Kiến Tr kháng cáo yêu cầu: Tòa án cấp phúc thẩm đo đạc lại phần đất tranh chấp để có căn cứ buộc ông T thực hiện theo di chúc giao cho anh Tr thừa hưởng phần đất có diện tích khoảng 800m².

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

- Sử dụng kết quả định giá và kết quả đo đạc ở cấp phúc thẩm (theo trích đo bản đồ địa chính khu đất của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long) để làm căn cứ xét xử vụ án.

- Phần đất gồm các thửa 743AB và 744 do bà Trần X đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, căn cứ theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 20/6/2022 và ngày 19/7/2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long phân chia như sau:

+ Mặc dù tại cấp sơ thẩm chị Y rút lại yêu cầu khởi kiện nhưng tại cấp phúc thẩm tất cả các đương sự thống nhất đề nghị Tòa án chia cho chị Y được thừa hưởng di sản của bà X là quyền sử dụng đất gồm: 98,5m² đất ONT+CLN thuộc tách thửa 743 (thửa mới 622 gồm các mốc 10, 11, 12, 19, 22, 10) + 436,8m² đất LUC thuộc tách thửa 744 (thửa mới 193 gồm các mốc: 1, 2, 19, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 1) và cây trồng gắn liền trên đất, chị Y đồng ý nhận phần di sản này.

+ Chia cho anh Tr thừa hưởng: 82,1m² loại đất ONT+CLN thuộc tách thửa 743 (thửa mới 662 gồm các mốc 19, 20, 21, 22, 19) + 22,3m² loại đất ONT+CLN thuộc tách thửa 743 (thửa mới 660 gồm các mốc 6, 21, 20, 5, 6) + 402,9m² loại đất LUC thuộc tách thửa 744 (thửa mới 193 gồm các mốc 2,3,20,19, 2) + 169,1m² loại đất LUC thuộc tách thửa 744 (thửa mới 193 gồm các mốc 3, 4, 5, 20, 3) + 23m² loại đất ONT +CLN thuộc tách thửa 743 (thửa mới 660 + 662 gồm các mốc 6, 7, b, 24, 23, 22, 21, 6) và cây trồng trên đất.

Anh Tr dành 23m² đất loại đất ONT +CLN thuộc tách thửa 743 (thửa mới 660 + 662 gồm các mốc 6, 7, b, 24, 23, 22, 21, 6) để làm lối đi chung cho anh Tr, chị Y, chị Ng, chị H và anh L

+ Chia cho anh Tr, chị Y, chị Ng, chị H và anh L đồng thừa hưởng 57,1m² loại đất ONT +CLN thuộc tách thửa 743 (thửa mới 622 gồm các mốc 10, 22, 23, 24, b, a, 10 phần đất có nhà mô).

- Đối với phần đất còn lại của thửa 743AB và 744 mà bà X chia cho anh L, chị H và chị Ng theo tờ di chúc ngày 25/5/2005 thì anh L, chị H và chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, để anh, chị tự thỏa thuận phân chia, khi nào không được mới khởi kiện vụ án khác.

- Anh Tr chịu toàn bộ chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ ở cấp sơ thẩm và phúc thẩm.

- Tính lại án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, tính lại án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật, người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 14 tháng 6 năm 2021 Tòa án nhân dân huyện Mang T tuyên án sơ thẩm đến ngày 28 tháng 6 năm 2021 anh Tr có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét mối quan hệ hôn nhân của bà Trần X

Bà Xiêm chung sống với ông Diệp Minh K trước năm 1977 không có đăng ký kết hôn, năm 1978 ông K bỏ địa phương đi đâu không rõ, đến năm 1980 bà X chung sống như vợ chồng với ông Lê Công T không có đăng ký kết hôn. Theo án lệ số 41/2021/AL về chấm dứt hôn nhân thực tế được công bố theo Quyết định 42/QĐ-CA ngày 12/3/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao thì: Nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn nhưng sau đó họ không còn chung sống với nhau và trước khi Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực, có người chung sống với nhau như vợ chồng với người khác. Quan hệ hôn nhân đầu tiên và quan hệ hôn nhân thứ hai đều là hôn nhân thực tế. Trường hợp này phải xác định hôn nhân thực tế đầu tiên đã chấm dứt. Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về thi hành luật Hôn nhân và Gia đình và Án lệ số 41/2021/AL có đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa bà Trần X với ông Diệp Minh Kh đã chấm dứt, công nhận hôn nhân giữa bà Trần X với ông Lê Công T là hôn nhân thực tế.

[2.2] Anh Tr và chị Y khởi kiện ngày 20 tháng 5 năm 2016, thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 đang có hiệu lực thi hành, nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành bộ luật này để giải quyết vụ án. Bà X chết 2009 đến 2016 anh Tr và chị Y khởi kiện là còn trong thời hiệu khởi kiện theo Điều 645 Bộ luật Dân sự năm 2005. Theo quy định tại Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì xác định được những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà X gồm có: ông T, anh Tr, chị Y, chị Ng, chị H và anh L

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận, thống nhất với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[2.4] Về chi phí tố tụng: tại cấp sơ thẩm gồm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá là 5.000.000đ, tại cấp phúc thẩm chi phí đo đạc, định giá là 11.295.202đ anh Tr tự nguyện chịu toàn bộ. Anh Tr đã nộp đủ.

[2.5] Án phí sơ thẩm: do sửa án sơ thẩm nên sửa lại án phí sơ thẩm.

Theo quy định tại khoản 7 Điều 27 nghị quyết 326 thì trong vụ án liên quan đến di sản thừa kế đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia. Căn cứ vào kết quả định giá ngày 28/02/2022 giá đất ở (ONT) 1.000.000đ/m², đất trồng cây lâu năm (CLN) 216.000đ/m², đất lúa (LUC) 184.000đ/m². Tính ra tiền án phí anh Tr phải chịu là 10.393.000đ. Chị Y phải chịu là 7.360.000đ, chị H phải chịu 347.000đ, chị Ng phải chịu 347.000đ, anh L phải chịu 347.000đ.

[2.6] Án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Diệp Kiến Tr

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2021/DS-ST ngày 14/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mang T, công nhận sự thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Áp dụng các điều 631, 646, 667 Bộ luật Dân sự 2005; các điều 166, 170 Luật Đất đai 2013; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình 1957, Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, các điều 26, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự phân chia phần đất gồm các thửa: 743AB tờ bản đồ số 1 (thửa mới 660, 661, 662 tờ bản đồ số 4) và 744 tờ

bản đồ số 1 (thửa mới 194 từ bản đồ số 4) xã Hòa T, huyện Mang T tỉnh Vĩnh Long do bà Trần X đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau:

1.1. Chia cho anh Diệp Kiến Tr được thừa hưởng phần đất gồm: 82,1m² loại đất ONT+CLN thuộc tách thửa 743 (thửa mới 662 gồm các mốc 19, 20, 21, 22, 19) + 22,3m² loại đất ONT+CLN thuộc tách thửa 743 (thửa mới 660 gồm các mốc 6, 21, 20, 5, 6) + 402,9m² loại đất LUC thuộc tách thửa 744 (thửa mới 193 gồm các mốc 2, 3, 20, 19, 2) + 169,1m² loại đất LUC thuộc tách thửa 744 (thửa mới 193 gồm các mốc 3, 4, 5, 20, 3) + 23m² loại đất ONT +CLN thuộc tách thửa 743 (thửa mới 660 + 662 gồm các mốc 6, 7, b, 24, 23, 22, 21, 6) và cây trồng trên đất. Sơ đồ vị trí thửa đất được xác định theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 20/6/2022 và ngày 19/7/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long kèm theo.

Anh Tr dành 23m² đất loại đất ONT +CLN thuộc tách thửa 743 (thửa mới 660 + 662 gồm các mốc 6, 7, b, 24, 23, 22, 21, 6) để làm lối đi chung cho anh T, chị Y, chị Ng, chị H và anh L

1.2. Chia cho chị Trần Mỹ Y được thừa hưởng phần đất gồm: 98,5m² đất ONT+CLN thuộc tách thửa 743 (thửa mới 622 gồm các mốc 10, 11, 12, 19, 22, 10) + 436,8m² đất LUC thuộc tách thửa 744 (thửa mới 193 gồm các mốc: 1, 2, 19, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 1) và cây trồng trên đất được chia. Sơ đồ vị trí thửa đất được xác định theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 20/6/2022 và ngày 19/7/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long kèm theo.

1.3. Chia cho anh Diệp Kiến Tr, chị Trần Mỹ Y, chị Lê Cẩm H, chị Lê Mộng N, anh Lê Phi L đồng thừa hưởng 57,1m² loại đất ONT +CLN thuộc tách thửa 743 (thửa mới 622 gồm các mốc 10, 22, 23, 24, b, a, 10 phần đất có nhà mô của bà Xiêm).

Sơ đồ vị trí các thửa đất nêu trên được xác định theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 20/6/2022 và ngày 19/7/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long (kèm theo).

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất được chia theo quy định pháp luật.

2. Đối với phần đất còn lại của thửa 743AB và 744 mà bà Trần X chia cho chị Lê Cẩm H, chị Lê Mộng Ng, anh Lê Phi L theo tờ di chúc ngày 25/5/2005, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

3. Về chi phí tố tụng: tại cấp sơ thẩm gồm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá là 5.000.000đ, tại cấp phúc thẩm chi phí đo đạc, định giá là 11.295.202đ, anh Tr tự nguyện chịu toàn bộ, anh Tr đã nộp đủ.

4. Án phí sơ thẩm:

Buộc anh Diệp Kiến Tr chịu 10.393.000đ (mười triệu ba trăm chín mươi ba ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.200.000đ theo biên lai thu số 0005092 ngày 01/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang T. Anh Tr còn phải nộp thêm 9.193.000đ (chín triệu một trăm chín mươi ba ngàn đồng).

Buộc chị Trần Mỹ Y chịu 7.360.000đ (bảy triệu ba trăm sáu chục ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.200.000đ theo biên lai thu số 0005091 ngày 01/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang T. Chị Y còn phải nộp thêm 6.160.00đ (sáu triệu một trăm sáu chục ngàn đồng).

Buộc chị Lê Cẩm H, chị Lê Mộng Ng, anh Lê Phi L mỗi người chịu 350.000đ (ba trăm năm chục ngàn đồng).

5. Án phí dân sự phúc thẩm: hoàn trả anh Diệp Kiến Tr 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nộp ngày 28/6/2021 theo biên lai thu số 0006917 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang T

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Tổ Nghiệp vụ TAND tỉnh VL;
- TAND huyện Mang T;
- Chi cục THADS huyện Mang T;

- Dương sự: Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Kim Chi